

Số: 1353/QĐ-CC2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v ban hành Biểu thu thù lao công chứng và chi phí khác tại Phòng Công chứng số 2 thành phố Hồ Chí Minh

**TRƯỞNG PHÒNG  
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật Công chứng năm 2014;
- Căn cứ Quyết định số 4197/QĐ-UB-NCVX ngày 09 tháng 6 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Phòng Công chứng số 2;
- Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định mức trần thù lao công chứng trên đại bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ vào tình hình thực tiễn hoạt động tại đơn vị,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Biểu thu thù lao công chứng và chi phí khác tại Phòng Công chứng số 2.

**Điều 2.** Quyết định này được niêm yết công khai tại trụ sở Phòng Công chứng số 2 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

**Điều 3.** Viên chức, người lao động Phòng Công chứng số 2, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc thu, nộp thù lao công chứng và chi phí khác theo Biểu thu thù lao công chứng và chi phí khác kèm theo Quyết định này.

Mức thù lao, chi phí khác của Biểu thu thù lao công chứng và chi phí khác ban hành theo Quyết định này thay thế những mức thù lao, chi phí khác trước đây kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.



**TRƯỞNG PHÒNG**

**Hoàng Mạnh Thắng**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**BIỂU THÙ LAO CÔNG CHỨNG VÀ CHI PHÍ KHÁC ÁP DỤNG  
TẠI PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1353** /CC2 ngày 29/12/2023 của Trưởng  
phòng Phòng Công chứng số 2 thành phố Hồ Chí Minh)

<b>I. THÙ LAO CÔNG CHỨNG</b>			
<b>STT</b>	<b>Loại việc</b>	<b>Mức trần thù lao</b>	
		<b>Đơn giản (đồng/trường hợp)</b>	<b>Phức tạp (đồng/trường hợp)</b>
<b>1</b>	<b>Soạn thảo hợp đồng, giao dịch</b>		
a)	Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng, tặng cho, đặt cọc tài sản	60.000	150.000
b)	Hợp đồng hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thanh lý, giao dịch	50.000	100.000
c)	Hợp đồng ủy quyền, thuê, mượn, vay mượn, thế chấp tài sản giữa cá nhân, tổ chức với nhau (không có tổ chức tín dụng tham gia)	60.000	200.000
d)	Văn bản liên quan đến hôn nhân và gia đình ( <i>phân chia tài sản chung, nhập tài sản riêng vào tài sản chung, văn bản về chế độ tài sản theo thỏa thuận,...</i> )	60.000	200.000
đ)	Di chúc	70.000	200.000
e)	Văn bản khai nhận/phân chia di sản	120.000	400.000
g)	Giấy ủy quyền, văn bản từ chối nhận di sản	50.000	150.000
h)	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư kinh doanh, góp vốn, hợp tác kinh doanh	100.000/1 trang	
i)	Hợp đồng mua bán xe máy	50.000	
k)	Soạn thảo các hợp đồng, giao dịch khác	80.000	160.000
<b>2</b>	<b>Đánh máy, in ấn hợp đồng, giao dịch</b> ( <i>bao gồm cả việc in ấn đủ số lượng bản cần thiết để thực hiện việc công chứng và được tính theo</i>	10.000/trang	



	<i>số lượng trang đánh máy, in ấn và lời chứng của công chứng viên)</i>	
3	<b>Sao chụp giấy tờ, tài liệu</b>	1.000/tờ A4 2.000/tờ A3
4	<b>Cung cấp biểu mẫu hợp đồng, giao dịch</b>	2.000/mẫu
5	<b>Sao lục hồ sơ lưu trữ</b> (bao gồm cả việc tìm kiếm, trích xuất và sao chụp hồ sơ lưu trữ)	50.000/1 văn bản
6	<b>Niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản khai nhận, thỏa thuận phân chia di sản tại trụ sở của Ủy ban nhân cấp xã</b>	
a)	Dưới 5km (cách trụ sở của Phòng Công chứng số 2)	250.000/1 lần/1 địa điểm/1 hồ sơ
b)	Từ 5km trở lên (cách trụ sở của Phòng Công chứng số 2)	250.000/1 lần/1 địa điểm/1 hồ sơ + 15.000/1 km vượt quá km thứ 5, nhưng không quá 600.000/hồ sơ/1 lần/1 địa điểm
7	<b>Công việc ký ngoài trụ sở</b> (bao gồm cả việc công chứng hợp đồng mua bán tài sản đấu giá)	
a)	<i>Trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh</i>	
a.1)	Dưới 05 km (cách trụ sở)	500.000/1 lần/1 địa điểm
a.2)	Từ 05 km trở lên	500.000 + 30.000/1 km vượt quá km thứ 5, nhưng không quá 1.200.000/lần/1 địa điểm
b)	<i>Ngoài phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh</i>	
b.1)	Đi và về trong buổi làm việc	1.500.000/1 lần/1 địa điểm/1 hồ sơ
b.2)	Đi và về trong ngày làm việc	2.000.000/1 lần/1 địa điểm/1 hồ sơ
b.3)	Đi và về không trong ngày làm việc	2.500.000/1 lần/1 địa điểm/1 hồ sơ
8	<b>Công việc dịch thuật văn bản</b>	
a)	<i>Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt</i>	(đồng/trang)
a.1)	Tiếng Anh, Hoa	120.000
a.2)	Tiếng Nga, Pháp	130.000
a.3)	Tiếng Hàn, Nhật, Đức	140.000
a.4)	Tiếng các nước khác	150.000
b)	<i>Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài (không bao gồm lời chứng của công chứng viên)</i>	(đồng/trang)
b.1)	Tiếng Anh, Hoa	140.000
b.2)	Tiếng Nga, Pháp	150.000
b.3)	Tiếng Hàn, Nhật, Đức	160.000
b.4)	Tiếng các nước khác	180.000

c)	Trường hợp yêu cầu làm thêm bản dịch thứ hai (không bao gồm bản dịch lưu hồ sơ)	5.000/trang nhưng không quá 50.000/bản dịch	
d)	Đối với các giấy tờ đơn giản như: CMND/căn cước (công dân)/hộ chiếu, khai sinh, kết hôn, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, visa, bằng lái xe... dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	100.000/trang ( <i>hộ khẩu trang đầu tiên 100.000, từ trang thứ 2 trở lên 70.000</i> )	
<b>9</b>	<b>Công việc khác</b>		
a)	Công việc đơn giản	400.000/công việc	
b)	Công việc phức tạp	1.000.000/công việc	
<b>II. CHI PHÍ KHÁC</b>			
1	<b>Soạn thảo văn bản (<i>bao gồm soạn thảo, đánh máy, in ấn nội dung, ký, đóng dấu và bưu chính</i>)</b>	<b>Đơn giản</b>	<b>Phức tạp</b>
1	Văn bản niêm yết thụ lý công chứng văn bản khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản ( <i>bao gồm nội dung niêm yết và thông báo thụ lý công chứng văn bản khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản</i> )	50.000/1 văn bản đối với di sản là 1 động sản ( <i>xe máy đã qua sử dụng, tài khoản ngân hàng, sổ tiết kiệm</i> )	100.000/1 văn bản
2	Văn bản xác minh tình trạng hôn nhân, quan hệ nhân thân, di sản đối với hồ sơ khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản	250.000/1 văn bản/1 trường hợp xác minh	
3	Văn bản xác minh, giám định phục vụ cho việc công chứng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng	500.000/1 văn bản/1 trường hợp xác minh, giám định ( <i>không bao gồm phí và chi phí giám định của tổ chức giám định</i> )	
* Việc xác minh, giám định trực tiếp tại trụ sở của các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức có liên quan được tính theo mức bằng mức niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản khai nhận, thỏa thuận phân chia di sản tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã ( <i>tại điểm 6 Mục I của Biểu thù lao công chứng và chi phí khác này</i> )			
4	Chi phí phương tiện đi lại khi thực hiện công chứng ngoài trụ sở		
a)	<i>Công chứng viên tự sử dụng xe cá nhân</i>		
a.1)	Dưới 10km (cách trụ sở)	100.000/1 lần/1 địa điểm	
a.2)	Từ 10 - 20km	200.000/1 lần/1 địa điểm	
a.3)	Trên 20km	300.000/1 lần/1 địa điểm	

b)	<i>Khách hàng tự chuẩn bị xe</i>	<i>Khách hàng chịu toàn bộ chi phí trong chuyến đi bao gồm chi phí đi lại và những chi phí phát sinh khác (nếu có) trong quá trình thực hiện công chứng</i>
----	----------------------------------	---

*\* Mức thù lao đã bao gồm cả chi phí phân tích, đánh giá pháp lý hồ sơ, giải thích pháp luật, kiểm tra thông tin, chi phí hành chính (như khấu hao máy móc, thiết bị, điện, bưu chính, viễn thông,...) và soạn thảo thông báo thụ lý hồ sơ thỏa thuận khai nhận, phân chia di sản để niêm yết.*

*\* Mức thù lao và chi phí khác theo biểu này đã bao gồm thuế VAT.*

*\* Mức thù lao và chi phí khác theo biểu này không bao gồm phí công chứng theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính.*

*\* Phí và chi phí giám định do người yêu cầu công chứng chi trả theo mức phí do tổ chức giám định cung cấp.*

*\* Những trường hợp “phức tạp” để xác định mức thù lao khi có một trong các yếu tố sau đây:*

- Có từ 3 bên tham gia trở lên;
- Giao dịch đối với nhiều tài sản (từ 3 tài sản trở lên);
- Phát sinh thêm việc thừa kế (như thêm người thừa kế, hàng thừa kế, thừa kế thế vị hoặc di sản...);
- Nội dung thỏa thuận không theo những mẫu có sẵn;
- Hợp đồng, giao dịch ít phổ biến (như các hợp đồng về kinh doanh thương mại, sở hữu trí tuệ, có yếu tố nước ngoài...);
- Phải có người làm chứng, người phiên dịch;
- Cung cấp dịch vụ công chứng ngoài ngày, giờ làm việc hành chính theo yêu cầu;
- Hợp đồng, giao dịch khác được CCV và người yêu cầu công chứng đồng ý là phức tạp.

*\* Mức thù lao, chi phí khác của Biểu thu thù lao công chứng và chi phí khác này áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, kế toán.



**TRƯỜNG PHÒNG**

**Hoàng Mạnh Thắng**